TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS-PT
Ngày: 19/7/2024
V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghị - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023, về việc "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 352/TB-PT ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1983; Cư trú tại: Số F, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim L1, sinh năm 1970; Cư trú tại: Số D đường P, Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Á, sinh năm 1981; Cư trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lý Văn K, sinh năm 1957; Cư trú tại: Số G, thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Cư trú tại: Số F, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2 Ông Phạm Duy H1, sinh năm 1982; Cư trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Duy H1: Ông Lý Văn K, sinh năm 1957; Cư trú tại: Số G, thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2021). Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim L1 trình bày:

Năm 2018, ông Phạm Văn L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Hương G diện tích đất 352m^2 thuộc thửa 09, tờ bản đồ số 25, xã Đ, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 241219 ngày 22/8/2005, trên đất có căn nhà xây cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch bông. Tháng 5/2019, bà Trần Thị Á là chủ sử dụng thửa đất 07, tờ bản đồ số 25, xã Đ liền kề xây dựng căn nhà cấp 4 đã đập phá một phần sino trần nhà phía trước, đào móng làm nứt tường căn nhà xây cấp 4 của ông L, khi trời mưa nước theo vết nứt chảy vào nhà gây thấm tường, nền nhà bị đọng nước ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình ông L. Vì vậy, ông L yêu cầu bà Á phải bồi thường thiệt hại do hành vi làm nứt tường nhà của ông L số tiền 43.382.000đ là chi phí để khắc phục, sửa chữa căn nhà nêu trên, rút một phần yêu cầu bà Á bồi thường số tiền 106.618.000đ theo như đơn khởi kiện ngày 02/8/2019.

Ông Lý Văn K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1 trình bày:

Năm 2010, vợ chồng bà Trần Thị Á, ông Phạm Duy H1 nhận chuyển nhượng của ông Thân Đình T, bà Nguyễn Thị Bích H2 diện tích 192m^2 đất, thửa 07, tờ bản đồ số 25, xã Đ, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 882800 ngày 13/7/2010. Năm 2011 bà Á, ông H1 xây dựng căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, mái lợp tôn. Khi làm nhà có làm dư ra phần

móng để sẵn. Đến tháng 5/2019, bà Á, ông H1 xây thêm phòng phía trước sát với vách tường nhà ông Phạm Văn L, xây trên nền móng cũ, không đào móng mới nên nguyên nhân nứt tường nhà ông L không phải do gia đình bà Á, ông H1 xây dựng nhà gây ra. Vì vậy, vợ chồng bà Á, ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L yêu cầu bồi thường thiệt hại 43.382.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Văn L là vợ chồng. Căn nhà cấp 4, tọa lạc trên thửa đất 09, tờ bản đồ số 25, xã Đ là tài sản chung giữa bà và ông L. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L yêu cầu bà Á phải bồi thường số tiền 43.382.000đ là chi phí để khắc phục, sửa chữa căn nhà cấp 4 nêu trên.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* giữa nguyên đơn ông Phạm Văn L đối với bị đơn bà Trần Thị Ánh .

Buộc bà Trần Thị Á, ông Phạm Duy H1 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị H số tiền 43.382.000đ *(Bốn mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L buộc bị đơn bà Trần Thị Á phải bồi thường số tiền 106.618.000đ *(Một trăm linh sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).*

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2023, bị đơn bà Trần Thị Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1 kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Trần Thị Á là ông Lý Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1 vẫn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn ông Phạm Văn L và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim L1 không đồng ý kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực

hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người liên quan. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Phạm Văn L cho rằng gia đình bà Trần Thị Á trong lúc xây dựng nhà đã đập phá sino, đào móng làm nứt tường nhà của ông L, khi trời mưa nước theo vết nứt chảy vào nhà gây thấm tường, nền nhà bị đọng nước, ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình ông L nên yêu cầu gia đình bà Á bồi thường chí phí khắc phục, sửa chữa với số tiền 43.382.000đ. Còn bị đơn bà Á không đồng ý bồi thường nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1 thấy rằng:

[3.1] Theo nguyên đơn ông Phạm Văn L: Vào năm 2018, ông L nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Hương G diện tích 352m^2 thuộc thửa 09, tờ bản đồ số 25, xã Đ, huyện Đ, được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 241219 ngày 22/8/2005; trên đất có căn nhà xây cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn, nền gạch bông. Liền kề là thửa 07, tờ bản đồ số 25, diện tích 192m^2 của vợ chồng ông H1, bà Á đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 882800 ngày 13/7/2010. Năm 2011, vợ chồng bà Á xây căn nhà cấp 4 trên thửa đất 07,tờ bản đồ số 25, xã Đ. Tháng 5/2019, vợ chồng bà Á xây thêm phòng phía trước, nối liền căn nhà cấp 4, sát với vách tường nhà của ông L. Năm 2019, khi xây dựng nhà, gia đình bà Á đã đập phá si nô mái hiên nhà, đào móng, xây tường đã làm nứt tường căn nhà cấp 4, xây lấn sang đất của ông L 10cm. Do đó, ông L yêu cầu bà Á trả lại diện tích 3,09m^2 đất lấn chiếm thuộc thửa 09, đồng thời yêu cầu bà Á bồi thường thiệt hại 150.000.000đ do hành vi xây dựng nhà làm nứt tường nhà của ông. Sau đó, ông L đã rút yêu cầu đối với bà Á về việc yêu cầu bà Á trả lại diện tích đất 3,09m^2 nên Toà án nhân dân huyện Đơn Dương đã tách vụ án thành hai vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất và vụ án yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản. Đồng thời, đình chỉ đối với vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Phạm Văn L và bị đơn bà Trần Thị Ánh .

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lý Văn K trình bày: Năm 2011 khi bà Á, ông H1 xây căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, mái lợp tôn, khi làm phần móng nhà có làm dư ra phần móng để sẵn. Đến tháng 5/2019, bà Á, ông H1 xây thêm phòng phía trước nhà, sát với vách tường nhà ông Phạm Văn L và xây trên nền móng cũ chứ không đào móng mới nên nguyên nhân dẫn đến nứt tường nhà ông L không phải do gia đình bà Á, ông H1 xây dựng nhà gây ra. Vì vậy, trước yêu cầu của ông L thì bà Á, ông H1 không đồng ý.

[3.2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Theo biên bản xác minh ngày 13/6/2023 (bút lục 267), ông Nguyễn Đăng T1 là người xây dựng căn nhà cấp 4 cho bà Á trình bày "Năm 2019, gia đình bà Trần Thị Á có thuê ông xây dựng căn nhà cấp 4, tọa lạc trên thửa đất 07, tờ bản đồ số 25, xã Đ. Kết cấu căn nhà là tường xây gạch, mái lợp tôn, xây nối liền với căn nhà cũ của bà Á đã xây dựng trước đó. Khi xây dựng căn nhà cấp 4 này thì ông có đào móng để xây dựng 02 viên đá chẻ chồng lên nhau và xây cách tường nhà của ông L khoảng 15cm, sau đó xây tường gạch và lợp tôn chứ không có móng cũ mà căn nhà này được làm móng mới. Việc ông xây dựng căn nhà này theo sự hướng dẫn của chủ nhà là bà Á và ông L". Như vậy, theo biên bản xác minh này thì việc gia đình bà Á xây dựng căn nhà cấp 4 vào năm 2019 là có đào móng mới chứ không phải xây trên nền móng cũ, không đào móng mới toàn bộ mà chỉ đào một phần móng phía trước như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định nguyên nhân lún nứt tường căn nhà cấp 4 của ông L. Tại chứng thư giám định xây dựng số 221406961/HCM ngày 12/9/2022 của Công ty cổ phần G1 kết luận: Hiện trạng chung của công trình xây dựng nhà cấp 4 số 67, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: Nền nhà mái hiên phía trước nhà bị sụt lún rạn nứt, tường giáp ranh nhà liền kề bị thấm nước và bị rạn nứt chân chim theo chiều đứng, xiên, ngang khác nhau với chiều dài khoảng 200mm - 2200mm ở các vị trí khác nhau. Phòng khách kết hợp phòng ngủ tường giáp ranh nhà liền kề bị thấm nước, bong tróc sơn và bị rạn nứt chân chim theo chiều đứng, xiên, ngang khác nhau với chiều dài khoảng 100mm - 2500mm ở các vị trí khác nhau, nền nhà bị ẩm thấp, đọng nước.

Dựa vào kết quả giám định tình trạng hư hỏng thực tế của nhà số F, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và tham khảo các tài liệu liên quan đến công trình xây dựng, xem xét địa chất khu vực xung quanh có các công trình xây dựng, giám định viên Saigonap nhận định nguyên nhân gây ra các hư hỏng của căn nhà như sau: "…nhà giáp ranh liền kề kế bên xây dựng thi công không đảm

bảo an toàn đúng kỹ thuật, làm ảnh hưởng trực tiếp đến chân nền móng công trình như đào móng, nâng nền không có biện pháp giữ ổn định nền móng nhà giáp ranh liền kề, đơn vị thi công tự đập si nô mái hiên nhà mà chưa có sự đồng ý của ông, đơn vị thi công xây tường giáp ranh không đảm bảo, không gia cố thêm tấm tôn để chống thấm giữa khe tường của 2 nhà tránh nước mưa đọng thấm vào tường. Về mặt kỹ thuật thì không được đảm bảo an toàn cho công trình liền kề, nó đã trực tiếp gây ra tổn thất thiệt hại đến kết cấu như tường, nền dẫn đến rạn nứt tường, tường bị thấm nước và bong tróc sơn, nền nhà bị đọng nước, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nhà số F, thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, dẫn đến những tổn thất hư hỏng nền, móng, tường, chân tường như đã mô tả ở trên".

Theo chứng thư giám định xây dựng số 221406961/HCM ngày 12/9/2022 của Công ty cổ phần G1 thì tổng giá trị chi phí khắc phục, sữa chữa nhà cấp 4 số 67, thôn S, xã Đ là 43.382.000đ.

[3.4] Không đồng ý với kết quả giám định trên, ngày 14/9/2023 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lý Văn K có đơn đề nghị Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng – Sở X tiến hành giám định xây dựng lại.

Phần đánh giá:

- Kết cấu khung: Hiện tại chưa thấy xuất hiện các dấu hiệu nguy hiểm; kết cấu đang ở trạng thái ổn định vào thời điểm kiểm định. Các kết cấu chịu lực chính hầu hết vẫn đáp ứng khả năng chịu lực hiện tại của bản thân công trình, không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực của tổng thể.

- Phần nền: Mặt nền tương đối đồng nhất cao độ; chưa có dấu hiệu rạn nứt, sụp lún hoặc đứt liên kết giữa mặt nền với chân tường. Lanh chân tường không thấy dấu hiệu rạn nứt, bị phá vỡ, đứt liên kết.

- Tường nhà:

+ T2 trong nhà: Lớp bả, sơn bề mặt tường có dấu hiệu bị rêu mốc, thấm nước, bong tróc sơn. Vết nứt vữa tô rộng từ 0.5mm đến 1.0mm, sâu hết chiều dày lớp vữa tô, chiều dài khoảng 3,55 mét.

+ Tường ngoài sân: Lớp bả, sơn bề mặt tường có dấu hiệu bị rêu mốc, thấm nước, bong tróc diện rộng. Vết nứt vữa tô rộng từ 0.5mm đến 1.0mm, sâu hết chiều dày lớp vữa tô *(không nứt liên kết gạch),* chiều dài khoảng 3,2 mét *(2 vết nứt bao gồm vết dài 2,2 mét và 0,7 mét).* Tường liên kết *(vị trí sênô, vị trí giao nhau giữa 2 tường)* bị đứt liên kết, nứt rộng khoảng 1,0mm từ mặt nền sân đến đáy sênô.

- Phần mái:

+ Xà gồ mái gỗ và thép hộp, chưa xuất hiện dấu hiệu bất thường, dấu hiệu võng hay cong vênh. Mái tole đã có dấu hiệu cũ do tác động của thời tiết; phần mái tiếp giáp với nhà số F không có vật liệu bao che kín, có dấu hiệu bị thấm dột *(mái phủ của nhà số F không đủ bề rộng bao trùm qua mái nhà số 67 nên gây ra hiện tượng thấm xuống khe tường giữa hai nhà).*

+ Sênô bê tông cốt thép *(vị trí trước nhà)* có dấu hiệu đục phá chưa trám trét lại; chưa thấy xuất hiện hiện tượng thẩm thấu, đọng nước, bong tróc lớp vữa tô, rêu mốc.

Nguyên nhân:

+ Phần tường tiếp giáp giữa 2 nhà có khe hở lớn *(khoảng hơn 5cm)* khi mưa lớn nước mưa sẽ len vào nhưng không có mương thoát nước nên gây ra thấm tường.

+ Cao độ nền nhà số F cao hơn nền nhà số F khoảng 0,5 mét; sự chênh lệch cao độ mặt nền gây ra tình trạng nước mưa đọng lại do không có mương thoát và sẽ thấm vào chân tường nhà số F.

+ Phần giao giữa 2 mái nhà không có vật liệu bao che kín nên khi mưa lớn lượng nước sẽ len vào khe hở và chảy xuống chân tường.

+ Phần Sênô *(tiếp giáp tường nhà 65)* chưa trám trét, chống thấm thành phần và đáy nên khi mưa lớn lượng nước sẽ đọng lại, thẩm thấu gây ra hiện tượng rêu mốc.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 11/12/2023 của Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng – Sở X tổng chi phí khắc phục, sữa chữa nhà cấp 4 số 67, thôn S, xã Đ là 17.105.000đ.

[3.5] Xét yếu tố lỗi: Nguyên nhân dẫn đến tường nhà thấm nước, tường bị bong tróc sơn, rạn nức chân chim… xác định lỗi 50/50. Chi phí khắc phục, sữa chữa hai đơn vị đưa ra hai kết quả khác nhau nên cộng bình quân chung là phù hợp. Do đó, xác định thiệt hại 43.382.000đ + 17.105.000đ = 60.487.000đ/2 = 30.243.500đ. Buộc bị đơn vợ chồng Á, ông H1 bồi thường cho ông L số tiền 15.121.750đ. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của nguyên đơn với số tiền 28.260.250đ.

[4] Căn nhà tọa lạc trên thửa đất 07, xã Đ là tài sản của bà Á, ông H1. Năm 2019, bà Á, ông H1 xây dựng nhà đã gây thiệt hại cho căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất 09 là tài sản chung vợ chồng của ông L, bà H. Do đó, bà Á, ông H1 cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông L, bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Ngày 17/4/2023, ông L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bà Á bồi thường là 106.618.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm đã Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông L yêu cầu bà Á phải bồi thường số tiền 106.618.000đ là đúng quy định.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1, cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định xây dựng là 51.233.000đ; trong đó nguyên đơn nộp tại giai đoạn sơ thẩm là 22.033.000đ, bị đơn nộp tại giai đoạn phúc thẩm là 24.200.000đ; Nguyên đơn nộp tại giai đoạn phúc thẩm là 5.000.000 đồng các đương sự phải chịu chi phí trên. *(đã được quyết toán xong)*

[8] Về án phí:

- Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Trần Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Trần Thị Á, ông H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể: 15.121.750đ x 5% = 756.000đ; ông L phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận với số tiền 28.260.250đ x 5% = 1.413.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 02 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DSST ngày 22/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L buộc bị đơn bà Trần Thị Á phải bồi thường số tiền 106.618.000đ *(Một trăm linh sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).*

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* với bị đơn bà Trần Thị Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy H1.

Buộc bà Trần Thị Á, ông Phạm Duy H1 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị H số tiền 15.121.750đ.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc yêu cầu bà Trần Thị Á, ông Phạm Duy H1 bồi thường số tiền 28.260.250đ.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định xây dựng là 51.233.000đ; Trong đó nguyên đơn nộp tại giai đoạn sơ thẩm là 22.033.000đ và nộp tại giai đoạn phúc thẩm là 5.000.000đ; bị đơn nộp tại giai đoạn phúc thẩm là 24.200.000đ; các đương sự phải chịu chi phí trên. *(đã được quyết toán xong)*

5. Về án phí:

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Trần Thị Á và ông Phạm Duy H1 số tiền 600.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0013671 và 0013670 cùng ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Á, ông Phạm Duy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 756.000đ; ông Phạm Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.413.000đ nhưng được trừ vào số tiền 4.500.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015906 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Hoàn trả cho ông Phạm Văn L số tiền 3.087.000đ án phí còn thừa.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- TANDH. Đơn Dương (01);
- Chi cục THADS H. Đơn Dương (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Đương sự; (08)
- Lưu, AV, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm Lê Thị V **Nguyễn Văn Đ**